

Số: 940 /QĐ-SYT

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh dự toán kinh phí năm và giao bổ sung kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2023 của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc như sau:

Dự toán điều chỉnh giảm 822.556.819 đồng (kinh phí sự nghiệp ngành giao đầu năm tại Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 2269/QĐ-SYT ngày 23/12/2022 của Sở Y tế) và điều chỉnh tăng dự toán số tiền 822.556.819 đồng để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh.

Giao bổ sung dự toán 530.578.750 đồng (Kinh phí vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị chuyển về cơ sở mới của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật).

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu chi ngân sách nhà nước được giao, Các đơn vị lập 04 phiếu phân bổ dự toán gửi Sở Y tế thực hiện nhập Tabmis điều chỉnh (tăng, giảm), triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính; Chánh văn phòng Sở; Trưởng các phòng ban chức năng của Sở Y tế và Thủ trưởng đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- Công TTĐT SYT (C/khai)
- Sở Tài chính;
- KBNN giao dịch;
- Lưu: VT, KHTC3.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trọng Điện

PHỤ BIỂU
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ DỰ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên đơn vị	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
						Số QĐ giao dự toán	Khác
	TỔNG SỐ	13.330.000.000	1.353.135.569	822.556.819	13.860.578.750		
I	Dự toán điều chỉnh	13.330.000.000	822.556.819	822.556.819	13.330.000.000		
1	Văn phòng Sở Y tế	1.806.000.000	493.209.819	197.000.000	2.102.209.819		
	Tổ chức thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý		32.725.000		32.725.000		
	Kinh phí in, khung khen thưởng toàn ngành năm 2022		31.092.200		31.092.200		
	Kinh phí đăng ký trực tuyến trên trang web của Bộ Y tế (trang dmec.moh.gov.vn)		4.000.000		4.000.000		
	Kinh phí phô tô hồ sơ, tài liệu phục vụ theo yêu cầu của cơ quan điều tra, cơ quan thanh kiểm tra (đợt 1)		20.000.000		20.000.000		
	Kinh phí may trang phục thanh tra Sở Y tế		22.579.000		22.579.000		

	Tổ chức thi tuyển viên chức ngành y tế		80.000.000		80.000.000		
	Bổ sung kinh phí cho hợp đồng 68	414.000.000	105.813.619		519.813.619	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	
	Kinh phí phụ vụ hoạt động chuyên môn	550.000.000		197.000.000	353.000.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Kinh phí chi đạo tuyển và chuyên môn nghiệp vụ
	Kinh phí phục vụ hoạt động nghiệp vụ thường xuyên	842.000.000	197.000.000		1.039.000.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Kinh phí tạo lập, chuyển đổi, số hoá thông tin chính lý tài liệu
2	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm		24.300.000		24.300.000		
	Kinh phí tổ chức học tập kinh nghiệm triển khai phần mềm Hệ thống thông tin về An toàn thực phẩm		24.300.000		24.300.000		
3	Bệnh viện Y dược Cổ truyền	1.104.000.000		14.800.000	1.089.200.000		
	Kinh phí công nghệ thông tin	1.104.000.000		14.800.000	1.089.200.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Hợp đồng phần mềm bệnh viện thuê trong 3 năm trong đó có một số phân hệ chưa thực hiện nên chưa thanh toán trong năm nay
4	Bệnh viện Bãi Cháy	1.219.000.000		450.675.000	768.325.000		
	Kinh phí đào tạo	1.219.000.000		450.675.000	768.325.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Hết nhiệm vụ chi do giảm chi phí đào tạo

5	Bệnh viện Lão khoa	373.000.000		100.000.000	273.000.000		
	Kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	373.000.000		100.000.000	273.000.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Giảm hỗ trợ tiền đi lại cho người khuyết tật do không đúng đối tượng theo quy định tại khoản 3 điều 6 thông tư 03/2022/TT-BTC
6	Bệnh viện Phổi	51.500.000		5.000.000	46.500.000		
	Kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2023	51.500.000		5.000.000	46.500.000	Quyết định 70/QĐ-UBND ngày 10/01/2023; Quyết định 43/QĐ-SYT ngày 11/01/2023	Hết nhiệm vụ cho trùng đối tượng hưởng
7	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	8.395.000.000	78.934.000	40.716.819	8.433.217.181		
	Kinh phí thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	8.395.000.000		40.716.819	8.354.283.181	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Giảm do chênh lệch kết quả trúng thầu thấp hơn so với dự toán
	Kinh phí đón tiếp tổ chức phòng chống Mù loà Châu Á (APBA) thực hiện mổ mắt tại thành phố Cẩm Phả		78.934.000		78.934.000		
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	110.000.000		2.000.000	108.000.000		
	Nhiệm vụ khác (Kinh phí kho vật tư chống dịch toàn ngành)	110.000.000		2.000.000	108.000.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Tiết kiệm trong thực hiện gói thầu
9	Trung tâm Y tế thị xã Quảng Yên	112.500.000		2.000.000	110.500.000		
	Kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2023	112.500.000		2.000.000	110.500.000	Quyết định 70/QĐ-UBND ngày 10/01/2023; Quyết định 43/QĐ-SYT ngày 11/01/2023	Hết nhiệm vụ cho trùng đối tượng hưởng

10	Trung tâm y tế huyện Hải Hà	101.000.000		9.000.000	92.000.000		
	Kinh phí tặng quà Tết nguyên đán năm 2023	101.000.000		9.000.000	92.000.000	Quyết định 70/QĐ-UBND ngày 10/01/2023; Quyết định 43/QĐ-SYT ngày 11/01/2023	Hết nhiệm vụ cho trùng đối tượng hưởng
11	Trung tâm y tế huyện Đầm Hà		128.988.000		128.988.000		
	Bổ sung kinh phí chi phụ cấp khu vực xã Quảng Lâm, Quảng An		128.988.000		128.988.000		Hệ số khu vực của xã Quảng Lâm và xã Quảng An thay đổi so với dự toán giao đầu năm
12	Trung tâm y tế thành phố Uông Bí	58.000.000		1.365.000	56.635.000		
	Kinh phí đào tạo	58.000.000		1.365.000	56.635.000	Quyết định 3638/QĐ-UBND ngày 23/12/2022; Quyết định 2269/QĐ-SYT ngày 22/12/2022	Hết nhiệm vụ chi, thanh toán theo thực tế
13	Trung tâm Vận chuyển cấp cứu		97.125.000		97.125.000		
	Bổ sung kinh phí vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị về cơ sở mới		97.125.000		97.125.000		Trung tâm Vận chuyển cấp cứu chuyển trụ sở về Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế, do đó cần vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị khi về cơ sở mới
II	Dự toán bổ sung		530.578.750		530.578.750		
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật		530.578.750		530.578.750		
	Vận chuyển, lắp đặt trang thiết bị chuyển về cơ sở mới		530.578.750		530.578.750		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật chuyển về trụ sở mới tại phường Hồng Hải, TP Hạ Long